

CHUYỂN BIẾN CHÍNH TRỊ GIỮA HAI BỜ EO BIỂN ĐÀI LOAN DƯỚI THỜI MÃ ANH CỬU

PHÍ HỒNG MINH*

Tóm tắt: Quan hệ hai bờ Eo biển Đài Loan đã trải qua nhiều giai đoạn sóng gió, căng thẳng và cả xung đột từ sau khi Quốc Dân Đảng rút về Đài Loan. Hai bên bước đầu có những tiếp xúc vào cuối thập kỷ 1980 đầu 1990, song quan hệ tiếp tục đóng băng trong thời kỳ Lý Đăng Huy và Trần Thủy Biển cầm quyền. Việc Mã Anh Cửu và Quốc Dân Đảng trở lại chính trường đã tạo ra những chuyển biến mang tính bước ngoặt trong quan hệ hai bờ. Sự thay đổi chính sách Đại lục của ông Mã và việc chấp thuận các yêu cầu của Bắc Kinh - nguyên tắc "một Trung Quốc" hay "đồng thuận 1992" và từ bỏ việc cổ xúy "độc lập" - đã tạo được sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ Đại lục và đưa Eo biển Đài Loan từ một điểm nóng tiềm tàng trở thành nơi ổn định và hợp tác hai bên cùng thắng.

Từ khóa: Quan hệ hai bờ Eo biển, Mã Anh Cửu, Đài Loan, Trung Quốc

1. Điểm lại một số nét quan hệ hai bờ trước thời Mã Anh Cửu

Thắng lợi trong cuộc chiến tranh với Nhật Bản đã giúp Tưởng Giới Thạch thu hồi được đảo Đài Loan năm 1946 và triển khai xây dựng một bộ máy chính quyền Quốc Dân Đảng tiêu biểu trên hòn đảo. Sau khi thất thủ tại Thành Đô năm 1949, hai cha con Tưởng đã rút về Đài Loan với ước mong xây dựng một căn cứ địa nhằm chờ thời cơ "phản công đại lục, phục hưng quốc đảng". Trong giai đoạn từ 1949 đến 1987, quan hệ giữa Đại lục và Đài Loan về cơ bản mang tính xung đột, không công nhận sự tồn tại của nhau. Tuy nhiên, sự chuyển biến có ý nghĩa lớn đối với quan hệ hai bờ là việc cổ lãnh đạo Đảng Tiểu Bình chuyển phương châm từ "giải phóng bằng vũ lực" sang "thống nhất hòa bình" đối với vấn đề Đài Loan. Cụ thể, ngày 1/1/1979, ông Đặng đã gửi "Thông điệp gửi tới Đồng bào ở Đài Loan". Bắc Kinh tiếp đó cũng đề xuất 9 điểm về giải quyết vấn đề Đài Loan vào tháng 9/1981, nhằm kêu gọi Đài Loan cùng đối thoại bàn về thống nhất dân tộc và hướng Đài Loan theo mô hình

"một nước, hai chế độ" đồng thời kêu gọi đầu tư, giao thương với Đài Loan. Trong khi đó, vào thập kỷ 1970, việc bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ đã gây nên những cú sốc liên tiếp cho Đài Loan, và khiến hòn đảo càng dè dặt hơn trước những đề xuất liên tiếp của Đại lục. Đài Loan đáp lại với chính sách "ba không" - không liên lạc, không thương lượng và không thỏa hiệp. Quan hệ hai bờ chỉ thực sự có nhiều biến chuyển từ sau khi Đài Loan thực hiện dân chủ chính trị và tự do hóa kinh tế, đặc biệt là sau khi cho phép người Đài Loan thăm viếng thân nhân ở Đại lục một cách hạn chế năm 1987.

Mặc dù cấm đoán người Đài Loan thăm viếng Đại lục song chính quyền Tưởng Kinh Quốc vẫn có chính sách không can thiệp tới quan hệ thương mại, đầu tư, từ Đài Loan sang Đại lục theo kênh gián tiếp. Cho đến giữa thập kỷ 1980, quan hệ kinh tế một chiều từ Đài Loan sang Trung Quốc phát triển nhanh chóng bất chấp những rào cản chính trị nhờ những chính sách thu hút đầu tư thương mại dành riêng cho doanh nhân Đài Loan của chính phủ Bắc Kinh. Từ sau 1987, hai bên bước đầu có những trao đổi chung như đàm phán các vấn đề hai bờ với mục

* ThS, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

đích “*cùng quản lý*” thông qua hai cơ quan bán chính thức là Quỹ trao đổi hai bờ eo biển (SEF) của Đài Loan thành lập tháng 2/1991 và Hiệp hội Quan hệ hai bờ Eo biển Đài Loan (ARATS) của Đại lục thành lập ngay sau đó vào tháng 12/1991.

Hai tổ chức này đã có một vài cuộc họp chính thức và không chính thức vào năm 1992 và đầu 1993. Hai bên bước đầu đã có nhiều đột phá trong cuộc gặp tháng 4/1993 ở Singapore. Tuy nhiên, quan hệ lại bị gián đoạn do Bắc Kinh tức giận trước chuyến thăm của Lý Đăng Huy tới Đại học Cornell (Mỹ) năm 1995 và xu hướng dân chủ hóa hướng tới cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên của hòn đảo. Điều này đã gây ra cuộc khủng hoảng hai bờ lần thứ ba 1995-1996. Hai bờ dịu hơn trong năm 1997-1998, và tiếp tục có nhiều sóng gió sau khi Lý Đăng Huy bất ngờ đưa ra thuyết “*Hai nhà nước*” trong một cuộc phỏng vấn với một đài phát thanh của Đức năm 1999. Hơn thế, ông Lý cũng khuyến khích các doanh nhân Đài Loan không nên đầu tư quá mạnh vào Trung Quốc để tránh lệ thuộc vào thị trường Đại lục thông qua chính sách “*hướng nam*” năm 1993 và chính sách “*không vội vàng, hãy bình tĩnh*” năm 1996. Cũng trong thời gian này, sự chuyển hướng tư tưởng của Lý Đăng Huy và việc thúc đẩy xu hướng dân chủ của đảo Đài Loan đã dấy nên những lo ngại cho chính phủ Bắc Kinh e sợ tư tưởng của người Đài Loan sẽ dẫn tách khỏi Đại lục. Một mặt tạo những khuyến khích kinh tế đối với Đài Loan, mặt khác Bắc Kinh đưa ra những quan điểm cứng rắn hơn thể hiện thái độ không khoan nhượng với xu hướng “*độc lập*” của người Đài Loan.

Ngay trong thời điểm căng thẳng quân sự leo thang 1995-1996, Giang Trạch Dân đã đưa ra “*Đề xuất thống nhất tám điểm*” ngày

30/1/1995 với nội dung cơ bản là: nêu cao nguyên tắc “*một Trung Quốc*” cũng như cội nguồn dân tộc Trung Hoa, phản đối Đài Loan mở rộng không gian quốc tế với mục đích tạo “*hai Trung Quốc*” hay “*một Trung Quốc, một Đài Loan*”, đồng thời tiếp tục khuyến khích và bảo vệ các nhà đầu tư Đài Loan vào thị trường Đại lục, đe dọa các nỗ lực can thiệp từ bên ngoài, khuyến khích đối thoại hai bờ... Đề xuất của ông Giang thể hiện tư tưởng cơ bản trong giải quyết vấn đề Đài Loan của thế hệ lãnh đạo thứ ba Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng như trở thành một văn bản quan trọng cụ thể hóa phương châm “*thống nhất hòa bình*” của Đặng Tiểu Bình trước đó. Tiếp đó, ngay trước khi cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp lần hai của Đài Loan, tháng 2/2000 Văn phòng Đài Loan của Bắc Kinh đã đưa ra sách trắng “*Nguyên tắc một Trung Quốc và Vấn đề Đài Loan*” với nội dung cơ bản xung quanh định nghĩa “*một Trung Quốc*” đã được đưa ra trong “*Đề xuất tám điểm*”

Sau khi lên nắm quyền năm 2000, Trần Thủy Biển tiếp tục chính sách ủng hộ “*độc lập*” đã làm gia tăng căng thẳng, bất ổn trong quan hệ hai bờ. Cụ thể, trong bản diễn văn nhậm chức ngày 20/5/2000, ông đưa ra “*5 không*”¹ với nội dung cam kết không theo đuổi các mục tiêu “*độc lập*”. Tuy vậy, trong suốt hai nhiệm kỳ nắm quyền, ông Trần liên tiếp có nhiều hành động và phát ngôn cổ xúy độc lập, chọc giận Bắc Kinh và gây khó xử cho Washington. Tháng 2/2006, ông tuyên

¹ Theo Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Trần Thủy Biển ngày 20/5/2000 thì “*5 không*” gồm: (1) không tuyên bố độc lập, (2) không thay tên Đài Loan, (3) không đưa nội dung “*hai nhà nước*” vào Hiến pháp, (4) không thúc đẩy trung cầu dân ý thay đổi nguyên trạng liên quan tới vấn đề độc lập hay thống nhất, và (5) không bãi bỏ Ủy ban Thống nhất Quốc gia và Đường lối Thống nhất Quốc gia. Song ông cũng lại đưa ra hai điều kiện cho “*5 không*” này là i- không xảy ra trong nhiệm kỳ này (2000-2004) và ii- chỉ có giá trị “*khi mà chế độ của CPC không có ý định sử dụng vũ lực*” (Sheng, 2003).

bỏ chấm dứt hoạt động của Ủy ban Thống nhất Quốc gia và Đường lối Thống nhất Quốc gia. Đến tháng 3/2007, ông lại công khai tuyên bố Đài Loan có “*bốn mong muốn và một thiếu vắng*” hoàn toàn đi ngược với cam kết “5 không”. Thực tế là, Trần Thủy Biển đã lần lượt phá vỡ tất cả cam kết “5 không” ông đưa ra trong bản tuyên thệ nhậm chức năm 2000 (xem Bảng 1). Những hành động của ông đã làm căng thẳng hai bờ leo thang nhanh chóng, đáng chú ý là việc Bắc

Kinh ứng xử hết sức cứng rắn khi đưa ra “*Luật chống ly khai*” tháng 3/2005 với nội dung được nhấn mạnh rằng “*nếu các lực lượng ly khai cố vũ Đài Loan độc lập sử dụng bất kỳ tên gọi hay biện pháp nào tạo ra việc tách Đài Loan khỏi Trung Quốc... [Trung Quốc] có thể sử dụng biện pháp phi hòa bình và các biện pháp khác để bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ*”.

Bảng 1: Căng thẳng và đối đầu hai bờ Eo biển Đài Loan giai đoạn 1995-2008

Thời gian	Sự kiện
1995-96	“Ngoại giao tên lửa” của Trung Quốc đáp trả việc Lý Đăng Huy thăm đại học Cornell
1999	“Thuyết hai nhà nước” của Lý Đăng Huy Thủ tướng Chu Dung Cơ của Trung Quốc đe dọa các cử tri Đài Loan không lựa chọn các ứng viên ủng hộ độc lập, và yêu cầu Đài Loan thừa nhận nguyên tắc “ <i>một Trung Quốc</i> ” sau khi bầu cử kết thúc
2000	Trần Thủy Biển của Đài Loan cảnh báo rằng Đài Loan “ <i>sẽ đi theo con đường riêng của mình</i> ” và khẳng định sự tồn tại của “ <i>mỗi chủ thể ở mỗi bên Eo bờ Đài Loan</i> ”, đưa tên gọi Đài Loan lên hộ chiếu của Trung Hoa Dân Quốc (ROC).
2002	Cuộc vận động của Trần Thủy Biển kêu gọi chủ nghĩa dân tộc Đài Loan: tổ chức trưng cầu dân ý; lập kế hoạch sửa đổi Hiến pháp; và kỷ niệm tưởng nhớ ‘Sự kiện 228’...
2003-04	Trung Quốc thông qua “Luật chống Ly khai”
2005	Trần Thủy Biển “dừng hoạt động” Ủy ban Thống nhất Quốc gia và Đường lối Thống nhất Quốc gia
2006	Trần Thủy Biển xin trở thành thành viên chính thức của Đại hội Y tế Thế giới (WHA)
2007	Trần Thủy Biển vận động trưng cầu dân ý cho việc Đài Loan tham gia Liên Hợp Quốc (UN) dưới tên gọi Đài Loan
2008	

Nguồn: Clark (2006) và tổng hợp của tác giả.

Trong nhiệm kỳ của ông Trần, mơ ước của ông cũng như nỗ lực thực hiện mơ ước ấy đã càng làm căng thẳng hai bờ diễn biến xấu hơn. Nó không thể đảm bảo an ninh cho Đài Loan mà còn đẩy mạnh nguy cơ mất an ninh hơn nữa cũng như làm xấu đi vị thế quốc tế của bản thân Đài Loan. Trước những thái độ và ứng xử cứng rắn của Bắc Kinh, Đài Loan càng bị cô lập hơn trong khu vực

và thiệt hại rõ ràng tới sự tín nhiệm quốc tế và sức mạnh kinh tế của hòn đảo. Tình trạng căng thẳng với Đại lục cùng với quyền lực kinh tế đang lớn dần của Trung Quốc lại càng thúc đẩy Trần Thủy Biển theo đuổi chính sách “*ngoại giao kim tiền*”. Song chính sách này với các đồng minh Mỹ Latin cũng không giúp được gì cho Đài Loan bởi những quốc gia này rất nhỏ bé, không chỉ

trong quan hệ thương mại, đầu tư mà cả trong đóng góp cho vị thế quốc tế của Đài Loan. Khi Trần Thủy Biển bắt đầu nắm quyền năm 2000 thì Đài Loan có 29 đồng minh ngoại giao nhưng đến năm 2008 thì chỉ còn 23 quốc gia đồng minh². Còn với các quốc gia Đông Nam Á, trọng tâm của chính sách “*hướng Nam*” thì quan hệ của các đối tác này đối với Đài Loan cũng hết sức dễ dãi do phần đối từ Bắc Kinh. Trong khi đó nền kinh tế Đài Loan ngày càng cuốn sâu hơn, lệ thuộc hơn vào Trung Quốc vì bản thân cộng đồng doanh nhân Đài Loan cũng lo ngại lỡ mất cơ hội trên Đại lục trước các đối thủ Hàn Quốc, Nhật Bản... Giới Đài thương cũng rất mong muốn có sự thay đổi chính sách Đại lục để đảm bảo cho công việc kinh doanh của họ ở Trung Quốc. Mặt khác, Trần Thủy Biển trong quá trình lãnh đạo Đài Loan đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng như tham nhũng, thiếu kinh nghiệm điều hành nền kinh tế đã làm người dân thất vọng vào cá nhân ông Trần cũng như đối với Đảng Dân tiến (DPP). Chính những nhân tố này đã góp phần làm nên chiến thắng vang dội cho ông Mã Anh Cửu trong cuộc bầu cử tháng 3/2008.

2. Chuyển biến chính trị hai bờ thời kỳ Mã Anh Cửu cầm quyền

Tháng 4/2005, trong thời kỳ căng thẳng với Đại lục, ông Liên Chiến, chủ tịch KMT đã có cuộc gặp với Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào với tính chất như một chuyển “*phá băng*” và nói lại đàm phán hai bờ. Chuyển biến của ông đã tạo mối liên lạc với đảng CCP và xây dựng tiền đề cho những thay đổi trong quan hệ hai bờ sau này. Trên thực tế, chính sách của Bắc Kinh trước đó mặc dù không ngừng phản đối các hoạt động ủng hộ

“*Đài Loan độc lập*” tách khỏi Trung Hoa, song từ Đề xuất tám điểm của Giang Trạch Dân đến Đường lối bốn điểm của Hồ Cẩm Đào, Bắc Kinh đều không ngừng kêu gọi Đài Loan tăng cường giao lưu kinh tế thúc đẩy đầu tư với Đại lục cũng như nhấn mạnh việc đặt niềm tin vào đồng bào ở Đài Loan. Gần một tháng sau khi Mã Anh Cửu giành chiến thắng trong cuộc bầu cử ngày 22/3/2008, Vương Nghị, giám đốc Văn phòng Đài Loan (TAO), cũng công bố báo cáo xem xét lại một cách toàn diện chính sách hai bờ của Bắc Kinh và đưa ra định hướng mục tiêu “*phát triển hòa bình*”³.

Ngay sau khi ông Mã lên nắm quyền, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tiếp tục đưa ra Đề xuất “*phát triển hòa bình*” ngày 31/12/2008 nhân kỷ niệm 30 năm ngày gửi “*Thông điệp gửi tới Đồng bào ở Đài Loan*” đánh dấu sự chuyển hướng chính sách của Đại lục trong giải quyết vấn đề Đài Loan từ “*giải phóng bằng vũ lực*” sang “*thống nhất hòa bình*”. Theo đó, Trung Quốc đưa ra sáu đề nghị: (1) Trung thành với nguyên tắc “*một Trung Quốc*” và tăng cường lòng tin chính trị lẫn nhau; (2) Xúc tiến hợp tác kinh tế và phát triển chung; (3) Đẩy mạnh văn hóa Trung Hoa và củng cố sợi dây liên kết tinh thần; (4) Thúc đẩy trao đổi người dân, với yêu cầu Đảng Dân Tiến (DPP) phải chấm dứt các hoạt động cổ vũ “*Đài Loan độc lập*”, (5) Bảo vệ chủ quyền quốc gia và tham vấn về các vấn đề quốc tế, bao gồm việc Đài Loan tham gia vào các hoạt động của các tổ chức quốc tế; (6) Chấm dứt các tuyên bố thù địch và đi đến hiệp định hòa bình, bao gồm việc nghiên cứu thành lập cơ chế tin cậy lẫn nhau về an ninh quân sự. Hai văn bản của ông Vương và Hồ được xem như chiến lược “*Phát triển hòa bình*” mới của Bắc Kinh với những định hướng chính gồm: ưu tiên ngăn

² Năm quốc gia chuyển sang công nhận Bắc Kinh là Dominica, Macedonia, Liberia, Grenada, Chad và Costa Rica; và bốn nước Vanuatu, Nauru, Kiribati và Santa Lucia đôi lúc lại thay đổi quan điểm.

³ Wang, Yi (17/4/2012) Deepening Cross-strait Relations, Creating a New Situation of Peaceful Development.

chặn độc lập chính thức (*de jure*) của Đài Loan hơn là đạt được thống nhất, cũng có quan hệ kinh tế và mở rộng các lợi ích cụ thể cho đồng đảo người dân Đài Loan cũng hưởng lợi từ quan hệ gần gũi hai bờ. Đây được xem như là sự phát triển và định hướng thực tiễn trong chính sách hai bờ của Bắc Kinh trong thời kỳ mới trước sự quay trở lại cầm quyền của Quốc dân đảng KMT.

Trong khi đó, trong bài phát biểu về chính sách hai bờ tại Đại học Harvard tháng 3/2006 ông Mã Anh Cửu đã đưa ra “*năm không và năm làm*”⁴. Ông cam kết rằng, trong ít nhất mười năm, Đài Loan sẽ là một thành tố tham gia có trách nhiệm và một người tạo dựng hòa bình, chứ không còn là một kẻ quấy rối trong khu vực. Những cam kết này của ông cho thấy sự tiếp nối từ lộ trình của Liên Chân tới Bắc Kinh và sự thống nhất trong nội bộ đảng KMT (Rios, 2012). Ông cũng hy vọng Bắc Kinh sẽ chấp thuận chính sách “*Ba không*” mới (*không thống nhất, không độc lập, không sử dụng vũ lực*), và cam kết nỗ lực để Đại lục dần chuyển trọng tâm chính sách với Đài Loan từ “*xúc tiến thống nhất*” sang “*ngăn chặn độc lập*”⁵. Ông cũng hy vọng chính sách “*ba*

không” không chỉ phù hợp với mục tiêu “*nguyên trạng*” của Mỹ mà còn có thể giúp ích cho việc đàm phán hiệp ước hòa bình với Bắc Kinh trong tương lai. Nhờ những nỗ lực từ cả hai phía, hai bên đã đạt được những tiến bộ quan trọng và có những chuyển biến, bước ngoặt mang tính lịch sử trong quan hệ hai bờ, chấm dứt những tranh cãi, căng thẳng, và cả xung đột hai bờ. Sau khi lên nắm quyền, ông Mã Anh Cửu đã thực thi được những chuyển biến cơ bản sau:

Về chính trị: Chưa đầy một tháng sau khi nhậm chức ông Mã nhanh chóng khôi phục lại đàm phán hai bờ giữa hai tổ chức bán chính thức ARATS của Bắc Kinh và SEF của Đài Bắc sau chín năm gián đoạn. Hai bên ngay sau đó đạt được thỏa thuận về các chuyến bay thuê bao cuối tuần (*chartered flights*) và việc Đài Loan mở cửa cho du khách từ Đại lục. Ông Mã cũng không tiếp tục sử dụng khái niệm “*Quan hệ giữa nước-nhà nước đặc biệt*” của hai người tiền nhiệm trước đó, tránh những căng thẳng không cần thiết. Thay vào đó, ông điều chỉnh cách gọi quan hệ hai bờ là “*một nước Trung Hoa, hai thực thể chính trị*” tức là “*quan hệ giữa vùng với vùng*”. Cách gọi này cũng tránh các tranh cãi không đáng có với Bắc Kinh do liên quan đến vấn đề chủ quyền, tránh sự phủ nhận lẫn nhau và có nội hàm linh hoạt hơn đặc biệt trong phạm vi quốc tế.

Liên quan đến vấn đề ngoại giao với Đại lục và quốc tế, ông Mã ngay trong quá trình tranh cử đã đề xuất “*hưu chiến ngoại giao*” hai bờ với hai biện pháp cơ bản là “*thỏa hiệp tạm thời*” và “*không phủ nhận lẫn nhau*”. Ông cũng thay đổi chính sách ngoại giao kim tiền (*dollar/checkbook policy*) được áp dụng trong thời kỳ Trần Thủy Biển, với nỗ lực giảm giắt các đồng minh ngoại giao với Bắc Kinh, sang chính sách ngoại giao linh hoạt (*flexible policy*) và cùng thắng (*win-win*) với Đại lục mặc dù vẫn tiếp tục duy trì

⁴ “*Năm không*” hoàn toàn khớp với “*năm không*” đầu tiên của Trần Thủy Biển. “*Năm làm*” là: (1) khôi phục đối thoại hai bờ dựa trên “*Đồng thuận 1992*”; (2) nỗ lực đi đến hiệp ước hòa bình với Biện pháp xây dựng lòng tin quân sự (CBMs), từ đó chính thức chấm dứt thù địch giữa hai bên; (3) bình thường hóa quan hệ kinh tế xuyên bờ bằng cách khởi động các chuyến bay trực tiếp và mở rộng cho việc du lịch của người dân Đại lục vào Đài Loan, cho phép các ngành dịch vụ tài chính đầu tư ở Đại lục, với mục tiêu cuối cùng là hình thành một thị trường chung Hai bờ; (4) phát triển một “*thỏa hiệp tạm thời*” (*modus vivendi*) mới cho việc tham gia quốc tế của Đài Loan, cả song phương và đa phương một cách thực dụng chứ không phải là một trò chơi tổng bằng không như trước; (5) mở rộng trao đổi văn hóa và giáo dục. Xem thêm Mã Ying-Jeu (2006) Taiwan: A Responsible Stakeholder, Far Eastern Economic Review.

⁵ Mã Ying-Jeu (2006). Peace and Prosperity in the Taiwan Strait: Building a New Vision, Speech at Harvard University, 26/3/2006.

quan hệ với 23 đồng minh ở Mỹ La tinh. Cho đến nay, *“hưu chiến ngoại giao”* do ông Mã tuyên bố đã đem lại những thành quả khá bao quát trên nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn như việc Đài Loan tham dự các hoạt động quốc tế, tham gia WHA với tư cách quan sát viên, và Đài Loan cũng không gặp phải những kháng nghị mạnh mẽ như trước khi quá cảnh ở Hoa Kỳ trong chuyến thăm các nước Mỹ Latin. Đặc biệt là, Đài Loan đã ký kết được hai hiệp định hợp tác kinh tế với New Zealand và Singapore năm 2013. Mặc dù Trung Quốc không chính thức công nhận *“hưu chiến ngoại giao”* với Đài Loan song các hành xử của Trung Quốc cũng bớt cứng rắn hơn và tạo thuận lợi cho Đài Bắc vì Bắc Kinh cũng lo ngại các biện pháp cứng rắn có thể đẩy lên sự phản nộ của người dân Đài Loan và do đó có thể ảnh hưởng đến tương lai cầm quyền của KMT⁶.

Về kinh tế: Hai bên thống nhất mở các chuyến bay thuê bao và mở cửa cho du khách hai bên ngay trong vòng đàm phán đầu tiên của ARATS-SEF. Đến tháng 11/2008, hai bên tiếp tục dỡ bỏ một số ngăn cản trong các phương tiện liên lạc giữa hai bờ hay ba liên kết nhỏ *“thông thương, thông bưu, thông hàng”* qua các đảo Kim Môn, Mã Tổ. Vòng đàm phán thứ ba năm 2009 tiếp tục đạt được các thỏa thuận về hợp tác tài chính, điều tra tội phạm và một số thống nhất về việc cho phép đầu tư của Đại lục vào Đài Loan. Tính đến tháng 10/2014, hai bên đã ký kết 21 hiệp định và đạt được hai đồng thuận cùng với rất nhiều thỏa thuận hợp tác⁷. Trong đó, nổi bật là Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế (ECFA) được ký kết vào tháng 6/2010, cùng các hiệp định theo sau gồm Hiệp định bảo hộ đầu tư tháng 8/2012 và

Hiệp định về thương mại dịch vụ tháng 6/2013⁸. Tuy nhiên, tháng 3/2014, Đài Loan đã nổ ra phong trào *“Hoa Hướng dương”* phản đối chính quyền ký kết hiệp định về Dịch vụ cũng như kêu gọi gìn giữ bản sắc, bảo vệ quyền tự chủ của hòn đảo. Phong trào này đã cản trở tiến độ của một số thỏa thuận trong đó có hiệp định về giải quyết tranh chấp - một thỏa thuận theo sau của ECFA dự kiến đã kết thúc vào 2015. Kết hợp với phong trào biểu tình ở Hong Kong tháng 9/2014 nhằm phản đối quy định mới của Quốc về bầu cử ở Đặc khu này, thì những biến động chính trị nội bộ của hòn đảo thời gian tới có thể biến động phức tạp và tiếp tục gây cản trở tiến độ ký kết các hiệp định thương mại giữa hai bờ.

Về quân sự: Mặc dù khả năng chiến tranh hai bờ ngày càng giảm thiểu trước những tiến triển tích cực trong quan hệ hai bờ, song nó vẫn không hoàn toàn bị loại trừ như đã diễn ra trong Cuộc khủng hoảng tên lửa hai bờ 1995-1996. Từ thời Lý Đăng Huy, ông đã đưa ra khái niệm *“ngăn trở hiệu quả và phòng thủ vững chắc”* thay cho chủ trương chiếm lại Đại lục của Tưởng Giới Thạch trước đó. Tiếp theo, Trần Thủy Biên thay đổi chiến lược quân sự sang khái niệm *“ngăn trở hiệu quả và thái độ phòng thủ mạnh mẽ”*. Trong đó, cụm *“thái độ phòng thủ mạnh mẽ”* liên quan tới việc phát triển các vũ khí cho phép phòng thủ ra khỏi khu vực ven bờ Đài Loan, tức là sự ngăn trở mang tính tấn công, hay được gọi là chiến lược tấn công *“chống một cuộc chiến tranh trên biển”*. Trong hai nhiệm kỳ của mình, ông Mã thay đổi chiến lược quân sự của mình có một chút tương đồng với thời ông Lý với khái niệm *“phòng thủ vững chắc, ngăn trở đáng tin cậy”* và một *“ROC kiên cường”*. Trong đó *“ROC*

⁶ TaiwanToday (14/4/2012) Diplomatic Truce Maximizes Cross-Straits Trust.

⁷ Xem thêm Xinhuanet (13/8/2013) Mainland, Taiwan sign cooperation deals at forum.

⁸ Bốn hiệp định theo sau gồm: Bán thu hoạch sớm, Thương mại dịch vụ, Thương mại hàng hóa, Giải quyết tranh chấp, và Hiệp định đầu tư

kiến cường” được được chuyển tải từ mục tiêu xây dựng quân đội chuyên nghiệp, hoàn toàn tự nguyện đến năm 2016 song song với chương trình cắt giảm lực lượng sẵn sàng chiến đấu⁹.

Về văn hóa: Trong thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Lý Đăng Huy và tiếp nối trong thời kỳ Trần Thủy Biển chính sách “Đài Loan hóa” (*de-sinification hay Taiwanization*) được cổ xúy mạnh mẽ hướng vào việc tăng nhận thức về “Đài Loan” thay cho “Trung Quốc”, và có xu hướng tách dần khỏi ý niệm về cội nguồn Trung Hoa. Thời kỳ ông Mã lại chú ý hơn vào các chính sách văn hóa làm hài lòng Bắc Kinh như sử dụng tiếng Trung giản thể, sửa lại sách giáo khoa, tưởng nhớ các anh hùng chống Nhật. Ông Mã còn thúc đẩy các hoạt động trao đổi văn hóa, xuất bản, giáo dục với Đại lục. Trong nhiều bài phát biểu, ông nhắc đến việc cả hai bên bờ Eo biển Đài Loan đều chung cội nguồn Trung Hoa, đều là con cháu Viêm Đế, Hoàng Đế.

3. Những vấn đề còn tồn tại và thách thức trong quan hệ hai bờ

Mặc dù quan hệ hai bờ Eo biển Đài Loan đã trải qua những bước ngoặt lịch sử trong suốt 60 năm đối đầu và căng thẳng, hiện đang bước sang trang mới, sang một kỷ nguyên phát triển hòa bình, ổn định, hợp tác giữa hai bờ. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai bên vẫn tồn tại những bất đồng, những vấn đề chưa thật sự được giải quyết. Cụ thể gồm bốn nội dung chủ yếu sau:

Mục tiêu cuối cùng của quan hệ hai bờ: Vấn đề đầu tiên và luôn được coi là khó nhất mà hai bên vẫn còn thận trọng, né tránh trao đổi là mục đích cuối cùng của mối quan hệ

hai bờ Eo biển. Do Đài Loan là một nền dân chủ, nên vấn đề này có thể được thể hiện trong các cuộc điều tra dư luận, trong đó một tỷ lệ ổn định trên 80% người dân là ủng hộ nguyên trạng: 82,6% tháng 8/2008, 86,2% năm 2010, và 84,5% tháng 6/2013¹⁰. Về phía chính quyền, các chính sách được ông Mã đưa ra cũng chỉ ra xu hướng đảm bảo hòa bình, hợp tác giữa hai bờ eo biển hay là phát triển hòa bình giữa hai bờ, thể hiện trong cam kết “Ba không” trong cả hai bài diễn văn nhậm chức của ông là “không thống nhất, không độc lập, và không sử dụng vũ lực”. Vì vậy, có thể thấy cả ý kiến dân chúng cũng như lãnh đạo Đài Loan là mục tiêu “nguyên trạng hòa bình” trong thời gian tới. Mục tiêu này cũng hoàn toàn thống nhất với chính sách “một Trung Quốc” của Mỹ là “duy trì nguyên trạng” và tương lai Đài Loan chưa được quyết định.

Về phía Đại lục, mặc dù xu hướng quan hệ hai bờ phát triển theo hướng ổn định và phụ thuộc lẫn nhau giữa Đài Loan và đại lục, song mục tiêu của Trung Quốc không phải là nguyên trạng hòa bình (*peaceful status quo*) mà là thống nhất hòa bình (*peaceful reunification*). Mục tiêu này không chỉ được các lãnh đạo Bắc Kinh liên tục nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mà đã được cụ thể hóa một cách cứng rắn trong Sách trắng quốc phòng Trung Quốc năm 1995, 2000 và Luật chống ly khai 2005. Do đó, có một khoảng cách khá lớn giữa những mong đợi của Đại lục và sự thu nhận của Đài Loan về điểm kết thúc của quan hệ hai bờ. Dù vậy, diễn biến chính sách Đài Loan của Bắc Kinh thời gian qua

⁹ Thim, Michal (2/4/2013) Taiwan's Defence Policy under Ma Ying-jeou.

¹⁰ Theo trang web chính thức của Quốc Dân Đảng (*Kuomintang*)

cho thấy có sự chuyển hướng từ “*thống nhất hòa bình*” sang “*ngăn chặn Đài Loan độc lập*”. Trong khi đó, mục tiêu hiện tại của Đài Loan và của chính quyền ông Mã vẫn là tiếp tục xây dựng lòng tin, hướng Bắc Kinh vào việc ngăn chặn các hành động cò vũ “*Đài độc*”, và coi giai đoạn “*phát triển hòa bình*” hiện tại như là giai đoạn quá độ chuyển tiếp, điểm gặp nhau trong mục tiêu cuối cùng của mỗi bên theo cách tiếp cận “*từ dễ đến khó, kinh tế trước chính trị sau*”. Hai bên cũng hết sức tránh các hành động, phát ngôn mất kiểm soát có thể thổi bùng sự thù địch của nhau, nói một cách khác là cần phải “*quản lý khủng hoảng*” một cách hiệu quả.

Vị thế chính trị và vấn đề không gian quốc tế của Đài Loan: Theo nguyên tắc “*một Trung Quốc*”, Đài Loan là một phần của Trung Hoa, song trên thực tế Đài Loan có một chính quyền riêng biệt hoàn toàn tự chủ với chính phủ PRC, hay nói một cách khác Đài Loan có một chính quyền trên thực tế (*de facto*) chứ không phải chính thức (*de jure*) do vị thế hạn hẹp với Trung Quốc đại lục. Khi tham gia quốc tế, Đài Loan phải sử dụng rất nhiều tên gọi khác nhau, như tên gọi Trung Hoa Đài Bắc (Chinese Taipei) được sử dụng rộng rãi và trong Diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), hay tên gọi “*Vùng lãnh thổ thuế quan riêng biệt của Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn và Mã Tổ*” trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Và các quốc gia khác khi quan hệ với Đài Loan luôn phải tuân thủ “*nguyên tắc một Trung Quốc*” và thận trọng trước bất kỳ thái độ nào của Bắc Kinh. Chính những điều này tạo ra nhiều khó khăn về vị thế chính trị của Đài Loan khi quan hệ

với các quốc gia khác cũng như tham gia các tổ chức quốc tế và liên chính phủ. Cũng xuất phát từ vị thế chính trị không hoàn chỉnh và “*nguyên tắc Một Trung Quốc*”, Đài Loan gặp khó khăn trong tìm kiếm không gian quốc tế. Cho đến nay, tuy có nhiều cởi mở hơn từ phía Bắc Kinh song Trung Quốc vẫn kiên quyết không chấp nhận bất cứ hành động nào dẫn tới việc tạo nên “*hai Trung Quốc*” hay “*một Trung Quốc, một Đài Loan*”. Đài Loan tuy là thành viên đầy đủ của một số tổ chức quốc tế mà Trung Quốc cũng tham gia như ADB, WTO, APEC; song việc tham gia của Đài Loan vào những tổ chức này trong những tình huống rất sít sao và với những tên gọi không hề thống nhất. Dù Đài Loan gần đây đã thu được vị trí quan sát viên của WHA, ký kết Hiệp định Hợp tác Kinh tế (ANZTEC) với New Zealand, Hiệp định Đối tác Kinh tế (ASTEP) với Singapore...; song hòn đảo vẫn bị giới hạn rất nhiều trong những nỗ lực tham gia vũ đài chính trị thế giới.

Những quan ngại an ninh của Đài Loan: Dù cho hiện tại quan hệ hai bờ đã tiến triển tốt đẹp nhờ sự mở lòng của Bắc Kinh và sự nhún nhường của chính quyền ông Mã, tuy nhiên Đài Loan vẫn còn quan ngại việc Bắc Kinh không từ bỏ việc sử dụng vũ lực một khi thống nhất không thể thực hiện. Mặc dù quan hệ hai bờ đang tiến triển tốt lên, nhưng Bắc Kinh vẫn chưa có dự định xóa bỏ hệ thống tên lửa hướng vào Đài Loan. Ngoài ra theo cam kết của Mỹ trong Đạo luật quan hệ Đài Loan 1979 về việc đảm bảo khả năng phòng thủ của Đài Loan và “*Sáu cam đoan*” 1982, thì Hoa Kỳ vẫn tiếp tục cung cấp các gói vũ khí cho Đài Loan. Đồng thời Đài

Loan vẫn tự phát triển vũ khí riêng của mình và tiếp tục tham gia hệ thống an ninh chung khu vực Đông Bắc Á do Mỹ dẫn dắt. Điều này chắc chắn sẽ làm Đại lục lo ngại và đáp trả bằng một vài cách thức nào đó. Trong khi đó, các thảo luận giữa hai bờ về các biện pháp xây dựng lòng tin quân sự (CBMs) đã được phát động từ thời kỳ Trần Thủy Biển và được ông Mã tiếp tục khởi động sau khi nắm quyền, nhưng vẫn chưa có kết quả cụ thể. Theo Báo cáo Quốc phòng 2013 của Đài Loan, thì ông Mã đã nhiều lần kêu gọi Bắc Kinh thiết lập CBMs khi có dịp, cũng như chia thành ba giai đoạn đàm phán xây dựng CBMs. Tuy nhiên, Báo cáo 2013 khẳng định rằng, thời điểm thiết lập CBMs hai bờ vẫn chưa chín muồi. Điều này cho thấy cả hai chưa đạt được sự tin cậy thực sự trong vấn đề an ninh-chính trị, và vẫn còn rất dè dặt với nhau trong vấn đề này.

Khoảng cách về chính trị giữa hai bờ: Hiển nhiên có sự khác biệt trong nền chính trị giữa Trung Quốc và Đài Loan, một nền chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo với một nền dân chủ đa đảng. Trong thời kỳ 12 năm cầm quyền, Lý Đăng Huy đã thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ở Đài Loan, và đưa ra đòi hỏi dân chủ ở Trung Quốc phải trở thành điều kiện tiên quyết cho các cuộc thảo luận về thống nhất. Hiện tại, ông Mã cũng tiếp tục nhấn mạnh rằng bất kỳ cuộc đàm phán liên quan đến vấn đề thống nhất trong tương lai chỉ có thể được thực hiện trên hai điều kiện là: nền dân chủ đầy đủ của Bắc Kinh và sự chấp thuận của đại đa số người dân Đài Loan. Điều này chắc chắn sẽ tạo nên những rào cản cho việc đàm phán, thảo luận về chính trị giữa hai bờ.

4. Kết luận

Như vậy, sự chuyển hướng chính sách đối với Đại lục của ông Mã Anh Cửu và KMT đã nhận được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Bắc Kinh và góp phần làm nên những thay đổi bước ngoặt trong quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan. Nó đã làm chuyển biến quan hệ hai bờ từ một điểm nóng đầy bất ổn trở thành một mối quan hệ ổn định, phát triển hòa bình và hợp tác hai bên cùng thắng. Mặc dù vậy, sự chuyển hướng này mới chỉ tập trung chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế, và phần lớn mang tính chất thể chế hóa các hoạt động kinh tế đã diễn ra từ trước, tạo cho nó có một khung khuôn khổ hoạt động đảm bảo hơn. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hai bên vẫn còn những vướng mắc liên quan đến các vấn đề như thảo luận về chính trị-an ninh-quân sự, vấn đề không gian quốc tế của Đài Loan. Về cơ bản, tập trung chính sách của ông Mã nhằm vào hai mục tiêu lớn: (i) cân bằng giữa chính sách Đại lục và chính sách đối ngoại nhằm đảm bảo an ninh Đài Loan, cùng với việc mở rộng “không gian quốc tế” của Đài Loan; (ii) tách rời các vấn đề kinh tế ra khỏi chính trị trong quan hệ hai bờ và vẫn xác định vai trò của Mỹ trong các vấn đề an ninh chính trị. Chủ trương chung vẫn được ông Mã Anh Cửu và đảng KMT quán triệt trong quan hệ hai bờ là “*dễ trước, khó sau*”, “*kinh tế trước chính trị sau*” song song với việc gìn giữ mối quan hệ với Mỹ như một đối trọng trong quan hệ với Đại lục. Với những chủ trương của ông Mã, quan hệ hai bờ trong ngắn hạn (tới 2016 khi ông Mã kết thúc nhiệm kỳ) sẽ tiếp tục xu hướng hòa bình ổn định, hợp tác và có thể tạo những cơ hội mới cho Đài Loan đối với việc mở rộng

không gian quốc tế, tham gia vào hội nhập kinh tế khu vực. Tuy nhiên, tương lai dài hạn của mối quan hệ hai bờ vẫn ẩn chứa nhiều nhân tố bất định từ chính trị nội bộ hòn đảo và nhân tố nước lớn từ phía Trung Quốc, Hoa Kỳ... Cụ thể, trong chính trị nội bộ Đài Loan chưa có sự thống nhất về chính sách Đại lục: KMT (đứng đầu Liên hiệp Lam) ủng hộ các chính sách thân Bắc Kinh và thiên hướng “*thống nhất*”; còn DPP (đứng đầu Liên hiệp Lục) lại ủng hộ thiên hướng “*độc lập*” và duy trì mối quan hệ cân bằng với Đại lục. Hơn thế, trong Đài Loan luôn tồn tại một mâu thuẫn lớn giữa bảo tồn bản sắc, nhận dạng dân tộc với đảm bảo các lợi ích kinh tế, duy trì sự thịnh vượng và phát triển. Điều này khiến cho sự phân hóa chính trị nội bộ Đài Loan càng sâu sắc hơn và đồng thời cũng khiến quan hệ chính trị giữa hai bờ Eo biển Đài Loan trở nên phức tạp, khó dự đoán. Bởi lẽ chỉ việc thay đổi đảng cầm quyền ở Đài Loan đã có thể hoàn toàn xoay chuyển cục diện quan hệ hai bờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chang, Wu-ueh và Chien-min Chao (2009), “Managing Stability in the Taiwan Strait: Non-Military Policy towards Taiwan under Hu Jintao”, *Journal of Current Chinese Affairs*, Vol. 38, No. 3, pp. 99-118.
2. Clark, Cal (2006), “The US Balancing Role in Cross-Strait Relations: The Irony of “Muddling Through”, *Issues & Studies* 42(3): 129-63.
3. Keng, Shu and Gunter Schubert (2010) “Agents of Taiwan-China Unification? The

Political Roles of Taiwanese Business People in the Process of Cross-strait Integration”, *Asian Survey*, Vol. 50, No. 2, pp. 287-310.

4. Ríos, Xulio (2012), “The Development of the Relations between Mainland China and Taiwan during Hu Jintao’s Term of Office: From the Anti-Secession Law to the Enforcement of the ECFA”, *Taiwan Fellowship Program 2012, Ministry of Foreign Affairs, ROC (Taiwan)*.

5. Romberg, Alan D. (2012), “Shaping the Future – Part II: Cross-strait relations”, *China Leadership Monitor*, No. 39, Hoover Institution, Stanford University.

6. Sheng, Lujin (2003), *China and Taiwan: Cross-strait Relation under Chen Shui-bian*, London/New York: Zed Books.

7. Wei, Chunjuan Nancy (2010), “China’s Anti-Secession Law and Hu Jintao’s Taiwan Policy”, *Yale Journal of International Affairs*, 5(1), 112-127.

8. Yu, Hsiao-Yun và Johnny Shaw (2009), “The New Development of Cross-Strait Relations (2005-2008)”, *2009 ISA Paper*.